

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

*Sổ tay*  
**CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ  
XÃ HỘI HÓA**

Tiền Giang, Tháng 9 năm 2021

# MỤC LỤC

<b>A. Phạm vi – Đối tượng điều chỉnh</b>	<b>4</b>
I. Phạm vi điều chỉnh	4
II. Đối tượng điều chỉnh	4
<b>B. Danh mục ngành nghề thuộc chính sách khuyến khích xã hội hóa</b>	<b>5</b>
I. Lĩnh vực giáo dục	5
II. Lĩnh vực y tế	6
III. Lĩnh vực văn hóa	8
IV. Lĩnh vực thể thao	9
V. Lĩnh vực môi trường	10
VI. Lĩnh vực giám định tư pháp	11
<b>C. Tiêu chí dự án và chính sách khuyến khích xã hội hóa</b>	<b>11</b>
I. Tiêu chí dự án xã hội hóa	11
II. Chính sách khuyến khích xã hội hóa	40
<b>D. Địa bàn ưu đãi đầu tư xã hội hóa</b>	<b>45</b>
I. Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng	45
II. Miễn, giảm tiền thuê đất	45
<b>E. Quy trình thủ tục đầu tư dự án xã hội hóa</b>	<b>47</b>
I. Về đất đai và lựa chọn nhà đầu tư	47
II. Quy trình chấp thuận nhà đầu tư	50
III. Quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư	52
<b>F. Văn bản pháp lý có liên quan</b>	<b>54</b>

## A. PHẠM VI – ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

### I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH:

- Lĩnh vực xã hội hóa được khuyến khích bao gồm: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

### II. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH:

**1.** Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

**2.** Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**3.** Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**4.** Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**5.** Các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang không thuộc đối tượng áp dụng tại Quy định này.

## B. DANH MỤC NGÀNH NGHỀ

(Quy định tại danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1470/QĐ-TTg ngày 22/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục kèm theo Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa)

### I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC

#### 1. Giáo dục đào tạo

1.1. Trường mầm non; Trường mầm non ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

1.2. Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông, Trường phổ thông có nhiều cấp học.

1.3. Trường trung cấp chuyên nghiệp; Trường cao đẳng; Trường đại học; Học viện.

1.4. Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.



Hình 1.1. Trường mầm non Phan Trọng Tuệ (huyện Cái Bè)

#### 2. Cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo

2.1. Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên; Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên.



2.2. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

2.3. Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và giáo dục phổ thông).

2.4. Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực.

2.5. Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo.

2.6. Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em.

### 3. Dạy nghề

3.1. Cao đẳng nghề.

3.2. Trung cấp nghề.

3.3. Trung tâm dạy nghề.

## II. LĨNH VỰC Y TẾ

### 1. Cơ sở khám chữa bệnh

1.1. Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng.

1.2. Bệnh viện đa khoa.

1.3. Bệnh viện chuyên khoa

1.4. Cơ sở Bảo trợ xã hội

1.4. Phòng khám.

1.5. Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình; Phòng khám sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình

1.6. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế.



Hình 1.2. Bệnh viện Đa khoa Tâm Minh Đức (TP. Mỹ Tho)

## 2. Cơ sở y tế dự phòng

2.1. Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài.

2.2. Dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng

2.3. Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ đo kiểm tra môi trường lao động, cơ sở cung cấp dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường y tế; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe

2.4. Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; Xét nghiệm phát hiện HIV; Xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; Tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS

## 3. Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm

3.1. Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.2. Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học.

## 4. Các lĩnh vực y tế khác

4.1. Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em.

4.2. Cơ sở cai nghiện ma túy.



Hình 1.3. Khu điều trị theo yêu cầu (TP. Mỹ Tho)

### III. LĨNH VỰC VĂN HÓA

#### 1. Di sản văn hóa

- 1.1. Bảo tàng ngoài công lập
- 1.2. Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống.
- 1.3. Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian.
- 1.4. Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích.
- 1.5. Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa.

#### 2. Điện ảnh

- 2.1. Cơ sở sản xuất phim.
- 2.2. Cơ sở dịch vụ sản xuất phim.
- 2.3. Cơ sở xuất khẩu phim.
- 2.4. Cơ sở chiếu phim và video.



Hình 1.4. Hệ thống rạp chiếu phim (P3, TP. Mỹ Tho).

#### 3. Nghệ thuật biểu diễn

Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê.

#### 4. Văn hóa cơ sở

- 4.1. Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã
- 4.2. Khu văn hóa đa năng ngoài công lập.
- 4.3. Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn.

4.4. Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

4.5. Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở các quận, thành phố.

### **5. Mỹ thuật nhiếp ảnh – Triển lãm – Thư viện**

5.1. Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập

5.2. Vườn tượng.

5.3. Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật;

5.4. Bảo tàng nhiếp ảnh ngoài công lập

## **IV. LĨNH VỰC THỂ THAO**

### **1. Sân thể thao**

Sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao.

### **2. Các loại bể và câu lạc bộ thể thao dưới nước**

2.1. Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp.

2.2. Câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước.



Hình 1.5. Hồ bơi Hải Long (huyện Cái Bè)

### **3. Các lĩnh vực thể thao khác**

3.1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao).

3.2. Huấn luyện thể thao cho người tàn tật.

- 3.3. Nhà luyện tập thể thao
- 3.4. Liên đoàn, hiệp hội thể thao
- 3.5. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
- 3.6. Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao
- 3.7. Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao.
- 3.8. Cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế.

## **V. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

### **1. Cơ sở thu gom vận chuyển rác thải**

- 1.1. Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải.
- 1.2. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế).

### **2. Cơ sở xử lý chất thải**

- 2.1. Cơ sở xử lý rác thải.
- 2.2. Cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế).
- 2.3. Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
- 2.4. Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán.

### **3. Các lĩnh vực môi trường khác**

- 3.1. Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị.
- 3.2. Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường.
- 3.3. Cơ sở hỏa táng, điện táng.
- 3.4. Cơ sở cung cấp nước sạch.
- 3.5. Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường.
- 3.6. Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường.
- 3.7. Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải.

3.8. Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho quan trắc môi trường.

3.9. Cơ sở khắc phục sự cố môi trường.

3.10. Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ

## VI. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Dự án văn phòng giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng.

## C. TIÊU CHÍ DỰ ÁN VÀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

**I. TIÊU CHÍ DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA:** ngoài các quy chuẩn được quy định như sau, phải tuân thủ các tiêu chuẩn chuyên ngành được quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008

### 1. Dự án giáo dục đào tạo – Dạy nghề

#### 1.1. Giáo dục đào tạo:

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Trường mầm non	Thành phố, thị xã: + Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 50 trẻ em ít nhất 3 năm liên tục + Diện tích sử dụng tối thiểu: 8m <sup>2</sup> /trẻ. - Nông thôn, miền núi: + Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 50 trẻ em ít nhất 3 năm liên tục	- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa (bao gồm trường mầm non ở KCN, CCN) nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư. - Được ngân sách tỉnh hỗ trợ

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích đất tối thiểu: 12m<sup>2</sup>/trẻ</li> </ul>	<p>01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án</p>
02	Trường tiểu học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phố, thị xã: tối thiểu 10 lớp; 35 em/lớp.</li> <li>+ Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 10 lớp ít nhất 4 năm liên tục</li> <li>+ Diện tích sử dụng tối thiểu: 6m<sup>2</sup>/hs.</li> <li>- Nông thôn, miền núi: tối thiểu 05 lớp; 35 em/lớp.</li> <li>+ Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 05 lớp ít nhất 4 năm liên tục</li> <li>+ Diện tích đất tối thiểu: 10m<sup>2</sup>/hs.</li> </ul>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.</p>
03	Trường trung học cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phố, thị xã: tối thiểu 08 lớp; 45 em/lớp.</li> <li>+ Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 8 lớp ít nhất 4 năm liên tục</li> <li>+ Diện tích sử dụng tối thiểu: 6m<sup>2</sup>/hs</li> <li>- Nông thôn, miền núi: tối thiểu 04 lớp; 45 em/lớp.</li> <li>+ Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 04 lớp ít nhất 4 năm liên tục</li> <li>+ Diện tích đất tối thiểu: 10m<sup>2</sup>/hs</li> </ul>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.</p>



04	Trường trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phố, thị xã: tối thiểu 06 lớp; 45 em/lớp.</li> <li>+ Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 6 lớp ít nhất 3 năm liên tục</li> <li>+ Diện tích sử dụng tối thiểu: 6m<sup>2</sup>/hs.</li> <li>- Nông thôn, miền núi: tối thiểu 03 lớp; 45 em/lớp.</li> <li>+ Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 03 lớp ít nhất 3 năm liên tục</li> <li>+ Diện tích đất tối thiểu: 10m<sup>2</sup>/hs.</li> </ul>	Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.
05	Trường trung cấp chuyên nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 200 học sinh chính quy</li> <li>Tỉ lệ tối đa học sinh /giảng viên:</li> <li>- Nhóm trường Y-dược: 25 học sinh/giảng viên;</li> <li>- Nhóm trường Nghệ thuật, Thể dục thể thao: 20 học sinh/giảng viên;</li> <li>- Các trường khác: 30 học sinh/giảng viên.</li> <li>Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu 1,5 m<sup>2</sup>/học sinh</li> <li>- Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 100 học sinh</li> </ul>	Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 15% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án

06	Cao đẳng	<p>- Tối thiểu 300 sinh viên chính quy Tỉ lệ tối đa sinh viên/giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm trường Y-dược: 20 sinh viên/giảng viên;</li> <li>- Nhóm trường Nghệ thuật, Thể dục thể thao: 15 sinh viên/giảng viên;</li> <li>- Các trường khác: 30 sinh viên/giảng viên.</li> </ul> <p>Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu 2m<sup>2</sup>/sinh viên</p> <p>Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 100 sinh viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</li> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 10% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án (<i>đầu tư XD mới học viện cũng thuộc trường hợp hỗ trợ này</i>)</li> </ul>
07	Đại học	<p>- Tối thiểu 300 sinh viên chính quy Tỉ lệ tối đa sinh viên /giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học xã hội nhân văn, kinh tế, luật: 25 sinh viên /giảng viên</li> <li>- Khoa học tự nhiên, sư phạm: 22 sinh viên /giảng viên</li> <li>- Kỹ thuật, công nghệ: 20 sinh viên /giảng viên</li> <li>- Nông lâm, thủy sản: 20 sinh viên /giảng viên</li> <li>- Y, dược, TDTT, nghệ thuật: 15 sinh viên /giảng viên</li> </ul> <p>- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu 2m<sup>2</sup>/sinh viên. Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 200 sinh viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường phải đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn trong vòng 03 năm kể từ khi cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động.</li> </ul>

- Trường phổ thông có nhiều cấp học: Đáp ứng đồng thời tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của từng cấp học tương ứng hoặc tối thiểu cấp học có quy mô học sinh lớn nhất phải đạt tiêu chí, tiêu chuẩn của cấp học tương ứng

### 1.2. Đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo:

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông thôn: Đáp ứng từ 50 học sinh phổ thông nội trú, 80 học sinh TCCN, 100 sinh viên ĐH và CĐ trở lên.</li> <li>- Thành phố/Thị xã: Đáp ứng từ 80 học sinh phổ thông nội trú, 100 học sinh TCCN, 150 sinh viên ĐH và CĐ trở lên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tối thiểu 100 sinh viên</li> </ul>
02	Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông thôn: Đáp ứng từ 30 học sinh phổ thông nội trú, 50 học sinh TCCN, 80 sinh viên ĐH và CĐ trở lên.</li> <li>- Thành phố: Đáp ứng từ 50 học sinh phổ thông nội trú, 80 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 100 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên:</b> Thuộc danh mục đặc biệt khuyến khích xã hội hóa</li> <li>- Cơ sở cung cấp dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.</li> </ul>

03	<p>Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học</p>	<p>- Tỷ lệ học viên tối đa/giáo viên/ca học: 25 học viên/giáo viên/ca học</p> <p>- Diện tích phòng học tối thiểu: 1,5 m<sup>2</sup>/học viên/ca học</p>	
04	<p>Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và giáo dục phổ thông)</p>	<p>Có 10 người làm việc trở lên</p>	
05	<p>Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực</p>	<p>Có 20 người làm việc trở lên</p>	<p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 10% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/dự án.</p> <p><b>- Cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường:</b></p> <p>+ Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</p>

06	Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông thôn: Có từ 30 lao động trở lên. Ít nhất 50% số lao động đã qua đào tạo.</li> <li>Giá trị dự án đầu tư từ 2 tỷ đồng Việt Nam trở lên.</li> <li>- Thành phố/Thị xã: Có từ 50 lao động trở lên. Ít nhất 70% số lao động đã qua đào tạo.</li> <li>Giá trị dự án đầu tư từ 5 tỷ đồng Việt Nam trở lên.</li> </ul>	
07	Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có từ 35 lao động trở lên.</li> <li>- Giá trị sản lượng sản xuất từ 1,5 tỷ đồng Việt Nam trở lên/1 năm.</li> <li>- Hoạt động ổn định ít nhất trong 3 năm</li> </ul>	

### 1.3. Lĩnh vực dạy nghề:

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Tiêu chuẩn thiết kế	Quy hoạch mạng lưới	Ghi chú
01	Cao đẳng nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 200 học sinh.</li> <li>- Diện tích đất sử dụng tối thiểu: 20.000 m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị, 40.000 m<sup>2</sup> đối với khu vực ngoài đô thị. Tối thiểu là 3 nghề.</li> </ul>	Theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 60:2003 dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế	"Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề của cả nước trong từng thời kỳ và quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Bộ,	

02	Trung cấp nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu: 100 học sinh</li> <li>- Diện tích đất sử dụng tối thiểu: 10.000 m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị, 30.000 m<sup>2</sup> đối với khu vực ngoài đô thị. Tối thiểu là 3 nghề.</li> </ul>	Theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 60:2003 dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế	Chính phủ, cơ quan Trung ương của các Tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề trực thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương của các Tổ chức chính trị - xã hội phải có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở dạy nghề đặt trụ sở chính".	Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 15% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án
03	Trung tâm dạy nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu: 50 học sinh.</li> <li>- Diện tích đất sử dụng tối thiểu: 10.000 m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị, 2.000 m<sup>2</sup> đối với khu vực ngoài đô thị</li> </ul>	Diện tích phòng học lý thuyết tối thiểu đạt 1,3 m <sup>2</sup> / 01 học sinh quy đổi; diện tích cơ sở thực hành tối thiểu đạt 2,5 m <sup>2</sup> / 01 học sinh quy đổi.		

Ngoài ra, đầu tư xây dựng mới trường nghiệp vụ được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 15% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án

## 2. Dự án y tế

### 2.1. Cơ sở khám chữa bệnh:

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân lực: Theo Thông tư liên tịch số 08/2007/T-TLT-BYT-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ).</li> <li>- Đất – Diện tích: Theo Quyết định số 18/2007/QĐ-BXD ngày 15/05/2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: TCXDVN 365:2007 “Bệnh viện đa khoa – Hướng dẫn thiết kế” và các quy định hiện hành khác.</li> <li>- Trang thiết bị: Theo Quyết định số 437/QĐ-BYT ngày 20/02/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư xây dựng mới bệnh viện có quy mô từ 100 giường bệnh trở xuống được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 15% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.</li> <li>- Dự án đầu tư xây dựng mới bệnh viện có quy mô trên 100 giường bệnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 10% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.</li> <li>- <b>Bệnh viện tư nhân:</b> Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến</li> </ul>



02	Bệnh viện đa khoa	Từ 31 giường bệnh trở lên	khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.
03	Bệnh viện chuyên khoa	Từ 21 giường bệnh trở lên	
04	Cơ sở Bảo trợ xã hội	<p>Quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng tối thiểu từ 10 đối tượng trở lên</p> <p>Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 30m<sup>2</sup>/đối tượng ở khu vực nông thôn, 10m<sup>2</sup>/đối tượng ở khu vực thành thị.</p> <p>Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân 6m<sup>2</sup>/đối tượng.</p> <p>Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân 8 m<sup>2</sup>/đối tượng. Ngoài ra Số lượng cán bộ, nhân viên/đối tượng được quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1466/QĐ-TTG ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>- Cơ sở bảo trợ xã hội: Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa. được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án</p>

05	Phòng khám	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng khám chuyên khoa; phòng chẩn trị y học cổ truyền</li> <li>- Phòng khám đa khoa:</li> <li>+ Địa bàn kinh tế xã hội khó khăn: từ 4 chuyên khoa trở lên; tối thiểu có 10 giường.</li> <li>+ Địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn: từ 3 chuyên khoa trở lên; tối thiểu 8 giường.</li> <li>- Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên</li> </ul>	Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.
06	Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình; Phòng khám sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình	<p>Quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên.</p> <p>Tiêu chí về các tiêu chuẩn: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế.</p>	
07	Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế.	Tiêu chí về quy mô và các tiêu chuẩn: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế.	

## 2.2. Cơ sở y tế dự phòng:

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	- Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài - Dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng	Từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.	
02	Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ đo kiểm tra môi trường lao động, cơ sở cung cấp dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường y tế; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe	Có từ 5 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên;	- <b>Cơ sở thực hiện y tế dự phòng:</b> Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa và được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.
03	Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; Xét nghiệm phát hiện HIV; Xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; Tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	Từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên	

### 2.3. Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm:

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	Từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên	- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.
02	Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học		- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.

**2.4. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy:**

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em	Phục vụ từ 10 đối tượng trở lên	
02	Cơ sở cai nghiện ma túy	Phục vụ từ 10 đối tượng trở lên	

## **Trong đó:**

- **Cơ sở bảo trợ xã hội:** thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa.

- **Cơ sở bảo trợ xã hội; trung tâm lão khoa** được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- **Những dự án còn lại trong lĩnh vực y tế:** được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

### **2.5. Mức độ ưu đãi về thuế của các loại hình dịch vụ phụ trợ trong các cơ sở y tế:**

2.5.1. Cơ sở dịch vụ giặt là, vệ sinh nằm trong khuôn viên của bệnh viện.

2.5.2. Cơ sở dịch vụ ăn, uống nằm trong khuôn viên của bệnh viện.

2.5.3. Cơ sở dịch vụ cung ứng thuốc nằm trong khuôn viên của bệnh viện.

2.5.4. Cơ sở dịch vụ vận chuyển bệnh nhân.

2.5.5. Cơ sở dịch vụ nhà nghỉ cho người nhà bệnh nhân nằm trong khuôn viên của bệnh viện.

## **3. Dự án văn hóa**

### **3.1. Di sản văn hóa:**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Quy chuẩn</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Bảo tàng ngoài công lập	Mở cửa thường xuyên phục vụ khách tham quan tối thiểu 5 ngày/tuần.	- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm

			<p>thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</p> <p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, đa không quá 5 tỷ đồng/dự án</p> <p><b>- Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập, bảo tàng nhiếp ảnh:</b> cũng thuộc ưu đãi như trên.</p>
02	Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	<p>- Đội ngũ lao động thực hành nghề truyền thống từ 5 người trở lên, trong đó ít nhất có 01 nghệ nhân. Có số người học nghề từ 5 người trở lên.</p> <p>- Diện tích nhà xưởng, nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm tối thiểu là 100 m<sup>2</sup>, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.</p>	<p>- Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa</p> <p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án.</p>
03	Cơ sở trình diễn/diễn xưởng dân gian	<p>- Có đội ngũ những người thực hành diễn xưởng dân gian theo quy định của loại hình nghệ thuật trình diễn trong đó ít nhất có 1 nghệ nhân và 5 người thường xuyên tham gia trình diễn.</p>	<p>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chương trình biểu diễn phục vụ công chúng với thời lượng chương trình ít nhất là 45 phút.</li> <li>- Có số người học nghề từ 5 người trở lên.</li> <li>- Nơi luyện tập và trình diễn cho công chúng có diện tích tối thiểu là 100 m<sup>2</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</li> </ul>
04	Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải có tối thiểu từ 3 kiến trúc sư hoặc kỹ sư xây dựng và 01 Kỹ sư hóa bảo quản trở lên.</li> <li>- Phải có ít nhất 05 nhân công bậc cao theo đúng ngành nghề đăng ký (nghề mộc, ngỗng, sơn thếp, hóa bảo quản...)</li> <li>- Có danh sách cam kết tham gia thi công hàng năm của đội ngũ nghệ nhân và thợ lành nghề về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.</li> <li>- Phải có văn phòng làm việc và lưu trữ hồ sơ. Có nhà xưởng để thiết bị máy móc và vật liệu xây dựng.</li> <li>- Phải có tối thiểu các thiết bị máy móc theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</li> </ul>



05	<p>Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa</p>	<p>- Có tối thiểu 5 nghiên cứu viên, 10 giảng viên và cộng tác viên trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa.</p> <p>- Đối với Phòng quản lý di tích: theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</p>
----	--	---	---



Hình 1.6. Trường mầm non Hoa Lan (thị xã Gò Công)



Hình 1.7. Hồ bơi Khai Kiệt (thành phố Mỹ Tho)

### 3.2. Điện ảnh:

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Cơ sở sản xuất phim	- Sản xuất ít nhất 1 phim/năm - 50% phim sản xuất được đạt bậc II trở lên.	Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án
02	Cơ sở dịch vụ sản xuất phim	Thực hiện ít nhất 2 phim/năm 50% phim xuất khẩu đạt loại khá (bậc II) trở lên.	
03	Cơ sở xuất khẩu phim	- Ít nhất 4 phim/năm - 50% phim xuất khẩu đạt loại khá (bậc II) trở lên	
04	Cơ sở chiếu phim và video	- Ít nhất 60 buổi chiếu/năm. - Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của rạp chiếu phim theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

### 3.3. Nghệ thuật biểu diễn:

Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
<p>Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balé.</p>	<p>Có đội ngũ diễn viên ổn định (HĐ dài hạn) tối thiểu là 10 người (đối với đơn vị loại hình ca múa nhạc); trong đó tối thiểu 70% diễn viên đã được đào tạo tại các cơ sở chuyên nghiệp hoặc đạt giải thưởng tại các cuộc thi không chuyên cấp Bộ, ngành.</p> <p>+ Lãnh đạo đơn vị phải có tối thiểu 01 người có trình độ từ trung cấp trở lên về chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn hoặc là hội viên các Hội Nhạc sĩ, Hội Nghệ sĩ múa hoặc Hội Nghệ sĩ sân khấu.</p> <p>+ Tổng diện tích trụ sở làm việc, luyện tập tối thiểu 200 m<sup>2</sup> (đối với khu vực thành phố), tối thiểu 300 m<sup>2</sup> (đối với khu vực khác).</p> <p>+ Có đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ biểu diễn trong nhà cũng như ngoài trời.</p> <p>+ Có tối thiểu 03 năm hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp.</p> <p>+ Có tối thiểu là 200 buổi biểu diễn (trong 03 năm), mỗi buổi có thời lượng tối thiểu 60 phút.</p> <p>+ Có tối thiểu 05 vở diễn hoặc 05 chương trình nghệ thuật đã được Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép công diễn.</p>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án</p>

#### 4. Văn hóa cơ sở

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có diện tích đất tối thiểu: cấp huyện là 2.500 m<sup>2</sup>, cấp xã 1.000 m<sup>2</sup></li> <li>+ Địa phương có quy hoạch</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</li> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.</li> <li>- <b>Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp huyện, cấp xã, KCN, cụm công nghiệp:</b> ưu đãi như trên.</li> </ul>
02	Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có diện tích đất tối thiểu là 2.500 m<sup>2</sup></li> <li>+ Địa phương có quy hoạch .</li> </ul>	
03	Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng.</li> <li>+ Có diện tích tối thiểu nhà 200m<sup>2</sup>, đất 2.000m<sup>2</sup></li> <li>+ Địa phương có quy hoạch</li> <li>+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên</li> <li>+ Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm</li> </ul>	

04	- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 250m <sup>2</sup> , đất 5.000m <sup>2</sup> + Địa phương có quy hoạch	Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án
05	Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở các quận, thành phố	+ Phục vụ hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 150m <sup>2</sup> , đất 1.000 m <sup>2</sup> + Địa phương có quy hoạch + Có 03 lao động quản lý thường xuyên + tối thiểu 120 buổi chiếu/năm	

### 5. Mỹ thuật nhiếp ảnh - Triển lãm - Thư viện

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập	Diện tích tối thiểu 300 m <sup>2</sup> bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ - Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án

		<p>- Có tối thiểu 200 tác phẩm nghệ thuật đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định</p>	<p>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</p> <p>- <b>Bảo tàng:</b> ưu đãi như trên</p>
02	Vườn tượng	<p>- Diện tích tối thiểu 3.000 m<sup>2</sup> bao gồm diện tích trung bày, khuôn viên, khu phụ trợ.</p> <p>- Có tối thiểu 50 tác phẩm chất liệu bền vững đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định</p>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án</p> <p>- <b>Riêng bảo tàng nhiếp ảnh:</b> còn Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</p>
03	Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật	<p>- Diện tích tối thiểu 350 m<sup>2</sup></p>	

04	Bảo tàng Nhiếp ảnh ngoài công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích tối thiểu 250m<sup>2</sup> bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ</li> <li>- Được cấp có thẩm quyền phê duyệt</li> <li>- Có tối thiểu 300 tác phẩm đạt chất lượng nghệ thuật được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định</li> </ul>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án</p> <p><b>- Riêng bảo tàng nhiếp ảnh:</b> còn Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.</p>
----	--	--	---

## 6. Dự án thể thao

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao).</li> <li>- Huấn luyện thể thao cho người tàn tật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích tối thiểu 200 m<sup>2</sup> đối với cơ sở trong nhà, 1000 m<sup>2</sup> đối với cơ sở ngoài trời.</li> <li>+ Quy mô đào tạo tối thiểu 20 vận động viên/năm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa.</li> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ</li> </ul>



			<p>trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án.</p> <p><b>- Xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế:</b> ưu đãi như trên</p>
02	<p><b>SÂN THỂ THAO:</b> bao gồm; sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao</p>	<p>+ Diện tích tối thiểu 200 m<sup>2</sup> đối với cơ sở trong nhà, 1000 m<sup>2</sup> đối với cơ sở ngoài trời.</p> <p>+ Quy mô đào tạo tối thiểu 20 vận động viên/năm</p>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</p>
03	<p>Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp, cầu lặn bộ bơi lội, cầu lặn bộ thể thao dưới nước</p>	<p>+ Diện tích tối thiểu 400 m<sup>2</sup>.</p> <p>+ Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 288-2004.</p>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án</p>

04	Nhà tập luyện thể thao	<p>+ Diện tích tối thiểu 100 m<sup>2</sup> có mái che đối với nhà tập đơn môn; 200 m<sup>2</sup> có mái che đối với nhà tập đa môn.</p> <p>+ Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng các quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 281-2004.</p>	<p>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư</p> <p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</p>
05	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	<p>+ Cấp quốc gia, cấp ngành hoặc cấp tỉnh, thành phố.</p> <p>+ Thành lập và hoạt động theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Luật Thể dục, thể thao</p>	<p>Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</p>
06	Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	<p>Thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 11 của Luật Thể dục, thể thao và các quy định pháp luật liên quan</p>	<p>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư</p>

			<p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ</p>
07	Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao	<p>+ Được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. + Sản xuất, cung ứng các dụng cụ, trang thiết bị thể dục thể thao phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước.</p>	<p><b>Cơ sở sản xuất dụng cụ TDTT:</b></p> <p>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư</p> <p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</p>
08	Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao	<p>+ Các cơ sở phải nằm trong khuôn viên của trung tâm thể thao, khu liên hợp thể thao và trực thuộc trung tâm thể thao, khu liên hiệp thể thao. + Có tối thiểu 10 phòng, 20 giường.</p>	<p>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư</p> <p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.</p>

## 7. Dự án môi trường

STT	Nội dung	Quy chuẩn	Ghi chú
01	Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải	Theo quy hoạch quản lý chất thải đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa.</li> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.</li> </ul>
02	Cơ sở xử lý rác thải	Theo quy hoạch quản lý chất thải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	
03	Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế)	<p>Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn nguy hại do cơ quan quản lý nhà nước ngành xây dựng quy định, phê duyệt</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa.</li> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.</li> </ul>
04	Cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế)		
05	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Phục vụ cho khu vực dân cư từ 50 hộ trở lên (hoặc các đối tượng - phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật); phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt	

06	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán	Phục vụ cho khu vực dân cư đến 50 hộ gia đình (hoặc đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và các đối tượng không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa.</li> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.</li> </ul>
07	Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	Phù hợp với yêu cầu sinh hoạt và quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền tại khu vực dân cư và cộng đồng.	
08	Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường	Theo quy hoạch quản lý của từng lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa.</li> <li>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.</li> </ul>
09	Cơ sở hỏa táng, điện táng	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	

10	Cơ sở cung cấp nước sạch	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	<p>- Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư</p> <p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.</p> <p>- Thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa.</p> <p>- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.</p>
11	Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường	Quy mô vùng trở lên, phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	
12	Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền	
13	Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải		
14	Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường		
15	Cơ sở khắc phục sự cố môi trường	Theo quy hoạch quản lý của từng lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	

16	Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ	Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn rõ tiêu chí về phạm vi, quy mô, tiêu chuẩn của loại hình dự án xây dựng nhà tang lễ	Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án
Ngoài ra, các tiêu chuẩn về chuyên ngành được quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ			

## 8. Dự án giám định tư pháp

- Dự án văn phòng giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng: Thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa, nên ngoài ưu đãi quy định tại mục 2.2 (II-D.Địa bàn ưu đãi đầu tư), được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư:

- Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

## II. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA:

### 1. Chính sách cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

1.1. Được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh và của Nhà nước.

1.2. Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để có nguồn vốn thực hiện việc đầu tư xây dựng trong trường hợp ngân sách nhà nước không bố trí hoặc bố trí không đủ.

Số tiền thuê ứng trước được quy đổi ra số năm, số tháng đã hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa.

*1.3. Giá cho thuê được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thỏa thuận với cơ sở thực hiện theo nguyên tắc:* Giá thuê được xác định phù hợp với mức giá thuê phổ biến trên thị trường, có tính đến yếu tố khuyến khích của địa phương tại thời điểm ký hợp đồng thuê nhưng phải bảo đảm việc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản thuê.

*1.4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đã trả hoặc ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa có các quyền sau đây:*

a) Được tiếp tục đầu tư hoàn thiện dự án xã hội hóa trong trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê cơ sở hạ tầng và một phần công trình xã hội hóa;

b) Được hạch toán phần tiền thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa (đã trả hoặc đã ứng trước) vào chi phí dự án theo quy định;

c) Được tính phần giá trị đầu tư thêm (nếu có) vào vốn đầu tư của dự án và được dùng phần tài sản đầu tư thêm này làm tài sản thế chấp để vay vốn.

*1.5. Trường hợp có nhu cầu góp vốn, liên doanh, liên kết để thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa:* Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với nhà đầu tư việc sử dụng số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa hoặc giá trị tài sản đã đầu tư trên đất để góp vốn, liên doanh, liên kết với cơ sở thực hiện xã hội hóa này theo quy định của pháp luật.

*1.6. Hết thời hạn thuê, góp vốn hoặc việc thuê, góp vốn chấm dứt trước hạn theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 3 Quyết định 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang: cơ sở thực hiện xã hội hóa chuyển giao cho Nhà nước toàn bộ cơ sở hạ tầng và công trình kiến trúc trên đất.*



1.7. Trình tự, thủ tục về cho thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa, góp vốn bằng tiền thuê để thực hiện dự án xã hội hóa: được thực hiện theo quy định tại Nghị định 59/2014/NĐ-CP và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1.8. Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng: trường học, bệnh viện, khu vui chơi, khu thể thao, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, rạp hát, rạp chiếu phim hoặc các công trình xã hội hóa khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 2. Chính sách ưu đãi về tín dụng:

2.1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước được quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.2. Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thuộc lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường được Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh xem xét cho vay với lãi suất ưu đãi theo quy định. Điều kiện cho vay tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh:

- Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.
- Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ.
- Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.
- Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân, các doanh nghiệp

thuộc mọi thành phần kinh tế. Có tình hình tài chính rõ ràng, phù hợp với ngành nghề kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu đánh giá tài chính, khả năng thanh toán.

**3. Chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng:** đã nêu ở phần tiêu chí.

- Ngoài ra các dự án còn được hưởng ưu đãi theo quy định tại I.D Địa bàn ưu đãi đầu tư.

- Việc hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng nêu trên áp dụng cho dự án xã hội hóa được thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, đảm bảo đủ cơ sở để cơ quan tài chính thẩm tra quyết toán. Kinh phí hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng được bố trí từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

**4. Chính sách miễn giảm tiền thuê đất:** đã nêu ở phần tiêu chí. Ngoài ra

- Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê đất thì không được hưởng ưu đãi về đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Trường hợp dự án xã hội hóa nằm trên địa bàn liên huyện (thành phố, thị xã, huyện) thì việc miễn, giảm tiền thuê đất được tính theo địa bàn hưởng chính sách ưu đãi nhiều hơn.

- Được quy định tại mục II.D. Địa bàn ưu đãi đầu tư.

**5. Chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo bồi dưỡng người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa:** quy định tại điều 7 Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang.

Chi phí đào tạo khi cử người lao động đi học tập ở trong và ngoài nước được tính vào chi phí hợp lệ của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

**6. Chính sách khen thưởng:** quy định tại điều 8 Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang.

6.1. Tập thể và người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa có thành tích xuất sắc được Nhà nước biểu dương, khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua theo quy định Nhà nước hiện hành.

6.2. Các tập thể, cá nhân tham gia ủng hộ, tài trợ, đóng góp tiền của, vật tư, công sức... để tổ chức, phục vụ cho các hoạt động xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp được Nhà nước ghi nhận và khen thưởng theo quy định của pháp luật.

## **D. ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

### **I. HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG:**

Các ưu đãi được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quyết định 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang, các dự án đầu tư xây dựng mới trên địa bàn các huyện Tân Phước, Tân Phú Đông, Gò Công Đông và Gò Công Tây được hỗ trợ thêm 10% so với mức hỗ trợ của loại hình đó.

### **II. MIỄN, GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT:**

**2.1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất: Được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với**

- Các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn xã thuộc các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo và địa bàn các huyện Tân Phước, Tân Phú Đông, Gò Công Đông và Gò Công Tây;

- Dự án xã hội hóa thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa được quy định tại Mục 1, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**2.2. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thì được Nhà nước cho thuê đất và miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định cụ thể như sau:**

- Các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn các xã thuộc thị xã Cai Lậy và thị xã Gò Công, địa bàn các thị trấn thuộc các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo: miễn tiền thuê đất 25 năm kể từ ngày đưa dự án vào hoạt động.

- Đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại các xã thuộc thành phố Mỹ Tho, các phường thuộc thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công: miễn tiền thuê đất 20 năm kể từ ngày đưa dự án vào hoạt động.

- Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày đưa dự án vào hoạt động đối với các dự án xã hội hóa tại các phường thuộc thành phố Mỹ Tho.

- Ngoài các ưu đãi được quy định tại mục 2.2, các dự án xã hội hóa thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa được quy định tại Mục 2, Phụ lục kèm theo Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.

## E. QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA

### I. VỀ ĐẤT ĐAI VÀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ:

#### 1. Trường hợp đất của Nhà đầu tư:

- **Bước 1:** Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát Danh mục quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Nếu chưa có trong Danh mục thì điều chỉnh, bổ sung).

- **Bước 2:** Nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Bước 3:** Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư.

#### 2. Trường hợp đất công đã giải phóng mặt bằng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, có tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Nhà nước:

→ Phải đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án.

- **Bước 1:** Cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

#### - Bước 2:

• Trường hợp chỉ có một Nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc đã tổ chức đấu giá ít nhất 02 lần không thành thì Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định chấp thuận nhà đầu tư và hướng dẫn Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

• Trường hợp có 02 nhà đầu tư trở lên đăng ký tham gia thì Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tổ chức đấu giá có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng các điều kiện về đấu giá và có văn bản thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư và Nhà đầu tư. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

### **3. Trường hợp đất công đã giải phóng mặt bằng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, không có tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Nhà nước:**

- **Bước 1:** Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các Sở ngành lập Quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc Quy hoạch phân khu 1/2000 để trình duyệt.

- **Bước 2:** Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục đề xuất dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- **Bước 3:** Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố mời gọi đầu tư trên trang thông tin điện tử quốc gia. Sau 30 ngày công bố, Sở Kế hoạch và Đầu tư xét khả năng năng lực tài chính của nhà đầu tư và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định một trong hai trường hợp sau:

\* Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm: Sở Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định chấp thuận Nhà đầu tư và thông báo, hướng dẫn Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

\* Trường hợp có 2 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 điều 10 Nghị định 25/2020/NĐ-CP; Giao cho Cơ quan đầu mối (UBND huyện hoặc Sở ngành tỉnh); Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 4 Nghị định 25/2020/NĐ-CP. Cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư được gửi cho cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư và Nhà đầu tư. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

### **4. Trường hợp đất chưa giải phóng mặt bằng:**

- **Bước 1:** Căn cứ Danh mục dự án mời gọi đầu tư xã hội hóa mà Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố.

- **Bước 2:** Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để đưa vào Danh mục thu hồi đất.

### **5. Trường hợp đất đã giải phóng mặt bằng nhưng đã giao cho đơn vị sự nghiệp sử dụng:**

- **Bước 1:** Đơn vị sự nghiệp lập đề án theo mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công nếu đơn vị sự nghiệp đó cho thuê Quyền sử dụng đất hoặc liên doanh, liên kết.

- **Bước 2:** Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- **Bước 3:** Sau khi có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về cho thuê quyền sử dụng đất hoặc liên doanh liên kết. Có 2 trường hợp:

+ *Nếu đơn vị sự nghiệp cho thuê quyền sử dụng đất:* phải đấu giá quyền sử dụng đất cho Doanh nghiệp thuê thực hiện Dự án.

→ **Bước 1:** Cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

#### **Bước 2:**

- Trường hợp chỉ có một Nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc đã tổ chức đấu giá ít nhất 02 lần không thành thì Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định chấp thuận nhà đầu tư và hướng dẫn Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

- Trường hợp có 02 nhà đầu tư trở lên đăng ký tham gia thì Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tổ chức đấu giá có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng các điều kiện về đấu giá và có văn bản thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư và Nhà đầu tư. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.



+ Nếu đơn vị sự nghiệp liên doanh, liên kết: phải thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác kinh doanh, liên kết. Trình tự thủ tục quy định tại điểm a, điểm c Điều 47 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công.

## II. QUY TRÌNH CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

**1. Trường hợp Nhà đầu tư duy nhất đăng ký tham gia đấu giá hoặc Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư sau khi tổ chức đấu giá ít nhất 2 lần nhưng không thành:** (Khoản 1 Điều 30 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)

- **Bước 1:** Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư

b) Tài liệu về tư cách pháp lý đối của nhà đầu tư;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của Nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

d) Giải trình về công nghệ sử dụng đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- **Bước 2:** trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến cơ quan có liên quan.

- **Bước 3:** trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Bước 4:** trong thời gian 25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung theo điểm b, c, d khoản 4 điều 33 Luật Đầu tư và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 5:** trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận Nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Nhà đầu tư, cơ quan tổ chức đấu giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**2. Trường hợp đầu thầu chỉ có một Nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng sơ bộ về năng lực kinh nghiệm hoặc nhiều Nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có 1 Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu:** (Khoản 2 Điều 30 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)

- **Bước 1:** Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư

b) Tài liệu về tư cách pháp lý đối của nhà đầu tư;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của Nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

d) Giải trình về công nghệ sử dụng đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- **Bước 2:** trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm và hồ sơ ở Bước 1 để lấy ý kiến cơ quan có liên quan.

- **Bước 3:** trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Bước 4:** trong thời gian 25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo gồm các nội dung theo điểm b, c, d khoản 4 điều 33 Luật Đầu tư và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 5:** trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận Nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và Nhà đầu tư.

### **III. QUY TRÌNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ:** (Khoản 4, 5 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)

- **Bước 1:** Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư

b) Tài liệu về tư cách pháp lý đối của nhà đầu tư;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của Nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

d) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật;

đ) Giải trình về công nghệ sử dụng đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

e) Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- **Bước 2:** trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các sở ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án.

- **Bước 3:** trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Bước 4:** trong thời gian 25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung theo Khoản 6 hoặc Khoản 8 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 5:** trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 7 điều 32 Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

## **E. VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;
- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Đề án theo mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định 151;
- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
- Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/09/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thực hiện Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư;
- Công văn số 12290/BTC-QLCS ngày 07/10/2020 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

- Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo, Dạy nghề, Y tế, Văn hóa, Thể thao, Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ Tướng Chính phủ;

- Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Mục I Điều 1 của Nghị quyết 101/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối

với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 12/04/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

- Công văn số 5065/UBND-KTTC ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

- Công văn số 3325/STC-QLGCS ngày 24/11/2020 của Sở Tài chính về việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

- Danh mục dự án mời gọi xã hội hóa ngày 24/08/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.